



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ
PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG LAS-XD 786

Địa chỉ: Thôn Kim Đầu, Xã Thanh An, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0973 882 889 - 0973 166 777 - Gmail: Ctyducnguyenqt@gmail.com

HỒ SƠ
GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 786



Quảng Trị, năm 2025

MỤC LỤC HỒ SƠ NĂNG LỰC

Phần I **Lời nói đầu**

Phần II **Các giấy tờ pháp lý công ty**

Phần II **Giới thiệu chung về năng lực công ty: Nhân sự, máy,
Bảng tổng hợp các công trình thí nghiệm, quy trình
thực hiện các phép thử**

Phần III **Năng lực nhân sự phòng thí nghiệm**

Phần IV **Năng lực máy phòng thí nghiệm**

LỜI NÓI ĐẦU

- Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình **LAS-XD786** trực thuộc **Công ty cổ phần Đức Nguyên Quảng Trị** được Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3022725143, đăng ký lần đầu ngày 22/10/2021 kinh doanh về các lĩnh vực:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Ngành chính)

Xây dựng nhà để ở

Hoàn thiện công trình xây dựng

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Lắp đặt hệ thống điện

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chuẩn bị mặt bằng

Xây dựng công trình đường bộ

Xây dựng công trình cấp, thoát nước

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

Xây dựng công trình công ích khác

Xây dựng công trình thủy

Phá dỡ

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Xây dựng nhà không để ở

- Công ty chúng tôi luôn đồng hành và là đối tác tin cậy của các chủ đầu tư, các nhà thầu. Có đội ngũ cán bộ kỹ sư, nhân viên thí nghiệm lành nghề nhiều năm công tác trong các lĩnh vực thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình. Luôn áp dụng đúng các tiêu chuẩn hiện hành, thực hiện thành thạo và chính xác các chỉ tiêu cơ lý của xi măng, cát, đá, sắt, bê tông xi măng, thí nghiệm các tính

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

chất cơ lý của nhựa đường, bê tông nhựa, vật liệu nền đường bộ và các công trình như đê kè, hồ đập, cầu cống, thực hiện các phép thử về cơ lý và các chỉ tiêu khác của đất trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường.

- Chúng tôi sẵn sàng tham gia tất cả các công trình và dự án lớn trên địa bàn cả nước và đặt phòng thí nghiệm hiện trường tại bất kỳ công trình nào với đầy đủ các thiết bị máy móc và nhân lực. Luôn sẵn sàng hợp tác với các tổ chức, các chủ đầu tư và các nhà thầu xây dựng cùng chia sẻ và phát triển, với phương châm: Chất lượng, hiệu quả và phát triển.

Rất hân hạnh được hợp tác lâu dài với quý vị!

Quảng Trị, ngày tháng 1 năm 2026

Giám đốc công ty



Trần Thế Vương

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3200725143

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 10 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Kim Đâu, Xã Thanh An, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0973 882 889

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 100.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN THẾ VƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 197077882

Ngày cấp: 26/10/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ thường trú: Thôn Kinh Thị, Xã Trung Sơn, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

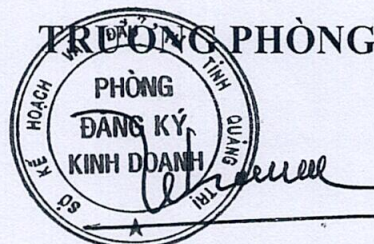
Địa chỉ liên lạc: Thôn Kim Đâu, Xã Thanh An, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 669...-Quỹ số: 01-SCT/BS

Ngày: 09-04-2024

Người thực hiện chứng thực ký tên



Đoàn Thị Minh Hải

Điêu Thị Kim Ngọc

Số: 245 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ Phần Đức Nguyên Quảng Trị và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 15/11/2021 và ngày 22/11/2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Đức Nguyên Quảng Trị

Mã số thuế: 3200725143

Địa chỉ: Thôn Kim Đâu, xã Thanh An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Thôn Kim Đâu, xã Thanh An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 786**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Đức Nguyên Quảng Trị;
- Sở XD Quảng Trị;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Wu Ngọc Anh

Người thụ hưởng chứng thực ký tên



Điêu Thị Kim Ngọc

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 786

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 245 /GCN-BXD, ngày 29 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:03; ASTM C188; AASHTO T128, T133, T153, T192
	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:11; AASHTO T106; ASTM C109, C472
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; AASHTO T129, T131; ASTM C187, C191, C472
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93; AASHTO T119; ASTM C143
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; AASHTO T121; ASTM C138
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:93; AASHTO T158; ASTM C232
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93; ASTM D2850-3a, D4767-3a
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:93; ASTM C642, C127, C128, C642
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93; ASTM C642
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93; ASTM C642; ASTM C1585
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:93; ASTM C418
	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:93; ASTM C138, C642; AASHTO T121
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993; ASTM C1585, C403, T27, T37
	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:93; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42
	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:93; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177
	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12; AASHTO T197; ASTM C403, C1117
3	THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	-Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn; Xác	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566; AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T255, T335; EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2; BS 812

	định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica; Xác định hàm lượng clorua (Cl ⁻); Xác định hàm lượng hạt đập bị vỡ; Xác định hàm lượng muối Natri clorua (NaCl) trong cốt liệu	
	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-02; AASHTO T176; EN-933
	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:12; ASTM D1883; AASHTO T193
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12 ; AASHTO T100; ASTM D854
	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216, D4959, D4643; AASHTO T217, T265
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; GOST-5184; AASHTO T89, T90; ASTM D4318-00
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; ASTM C136, D422-62, D1140, D2487, C117; AASHTO T88, T27; BS 1377-2; JIS A1204
	Xác định sức chống cắt của đất trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12; ASTM D3080; AASHTO T236
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; AASHTO-T216, T297; ASTM D2435
	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 12790:20; 22TCN 333:06; 22TCN 59:84; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937, D7263; AASHTO T204, T216, T205, T233
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	22TCN 332:06; TCVN 12792:20; ASTM D1883; AASHTO T180, T193
	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:12; AASHTO-T49, T215 ; ASTM D2434-00
5	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, CÁP THÉP, BU LÔNG, VÍT, VÍT CÂY, ĐAI ỐC	
	Thử kéo	TCVN 197-1:14; ISO 6892-1:16, ISO 889-1:13, ISO 889-2:12; ASTM A370, B557; ASTM A36/ A240/ A572/ A588/ A709; AASHTO T68
	Thử uốn và uốn lại	TCVN 198:08; TCVN 5891:08; ISO7438:16; ISO 5173:09; ISO 8491:04; ASTM A370
	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:10; ISO 5173; ASME BPV code, Section IX; ASTM A184, 184M; ASTM AWS D1.1;
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10; ASTM AWS D1.1
	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:10; ISO 4136:01
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:10; ISO 5178:01
	Thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực: Xác định kích thước hình học, độ bền kéo, uốn và uốn lại	TCVN 7937:13; ISO 15630-1,2,3; TCVN 6287:97; BS 4449; ASTM A1061

	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo	TCVN 197:14; TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89 ; ISO 898-1,2; ASTM A370
	Thử kéo thép cốt bê tông mỗi nối bằng ống ren	TCVN 8163:09; TCVN 197-1:14
	Ống kim loại - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; ISO 8492
	Thép tấm, thép hình: Thử kéo, thử uốn	ASTM A370; AASHTO T68-09; TCVN 7571:06; AASHTO T68;
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; xác định thành phần hạt; xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đổ đầm nén; xác định độ chảy nhựa; xác định độ góc cạnh của cát; xác định hệ số độ chặt lu lèn; xác định độ rỗng dư; xác định độ rỗng cốt liệu; xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011; AASHTO T164, T166, T172, T209 T245; ASTM D1559, D2041, D2172, D2726, D6927
7	Phương pháp Marshall để xác định thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820-2011
8	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định hình dáng bề ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN 58:84; ASTM D5329
9	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT	
	Xác định độ kim lún ở 25°C, độ kim lún PI	TCVN 7495:05; ASTM D5-13; ASHTO T49-
	Xác định modun đàn hồi và độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05; ASTM D113; AASHTO T301
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36-00; AASHTO T53
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; ASTM D92; AASHTO T48; TCVN 8818-2:11
	Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05; ASTM D1754, D6; ASHTO T47
	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44
	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228
	Xác định độ đàn hồi của nhựa đường Polime	22 TCN 319:04; TCVN 11194:2017; ASTM D6084; AASHTO T301
10	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; 22TCN 02:71; TCVN 8729:12; TCVN 8728:12; ASTM D2937; AASHTO T204
	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12; TCVN 8730:12; ASTM D1556; AASHTO T191

	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:11; ASTM D4695; AASHTO T256
	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cân Ben kelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695; AASHTO T256
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965
	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950, E1082
	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D1194; AASHTO T235
	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:12
	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D1143, D3689
	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:12
	Xác định chiều dày lớp bảo vệ, vị trí, đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:12
	Xác định hệ số thấm của đá bằng phương pháp ép nước vào hồ khoan	TCVN 9149:12
11	THÍ NGHIỆM BENTONITE	
	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước	TCVN 11893:17; ASTM D4972, D4380, D4381, D5891
12	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2003; ASTM C109, C230, C807, C953, C1102, C1152, C1218, C1398, C1437; TCVN 9080:12
	Vữa xi măng trộn sẵn không co: Xác định độ tách nước, độ chảy	TCVN 9204:12; ASTM C940, C939
13	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355:09; ASTM C67; AASHTO T32
	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:99

	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16; ASTM C140, C426
14	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:12
	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:96; ISO 8467:93
	Độ pH	TCVN 6492:11
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
	Hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200:96
	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

D
U
N

5

**CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: QTR-00070989

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SXD ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Sở Xây dựng Quảng Trị)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 3200725143

Ngày cấp: Cấp lần đầu ngày 22/10/2021

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị

Tên người đại diện theo pháp luật: Trần Thế Vương

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Kim Đâu, xã Thanh An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

Số điện thoại: 0973882889

Email: ctyducnguyenqt@gmail.com

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình:

- | | |
|---------------------------------------|------------|
| - Dân dụng | - Hạng III |
| - Giao thông (đường bộ) | - Hạng III |
| - Nông nghiệp và phát triển nông thôn | - Hạng III |
| - Hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước) | - Hạng III |

2. Thi công xây dựng công trình:

- | | |
|---------------------------------------|------------|
| - Dân dụng | - Hạng III |
| - Giao thông (đường bộ) | - Hạng III |
| - Nông nghiệp và phát triển nông thôn | - Hạng III |
| - Hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước) | - Hạng III |

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 02/3/2033.

Quảng Trị, ngày 02 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thanh Hải

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **3195** Quyền số: **02** SCT/BS

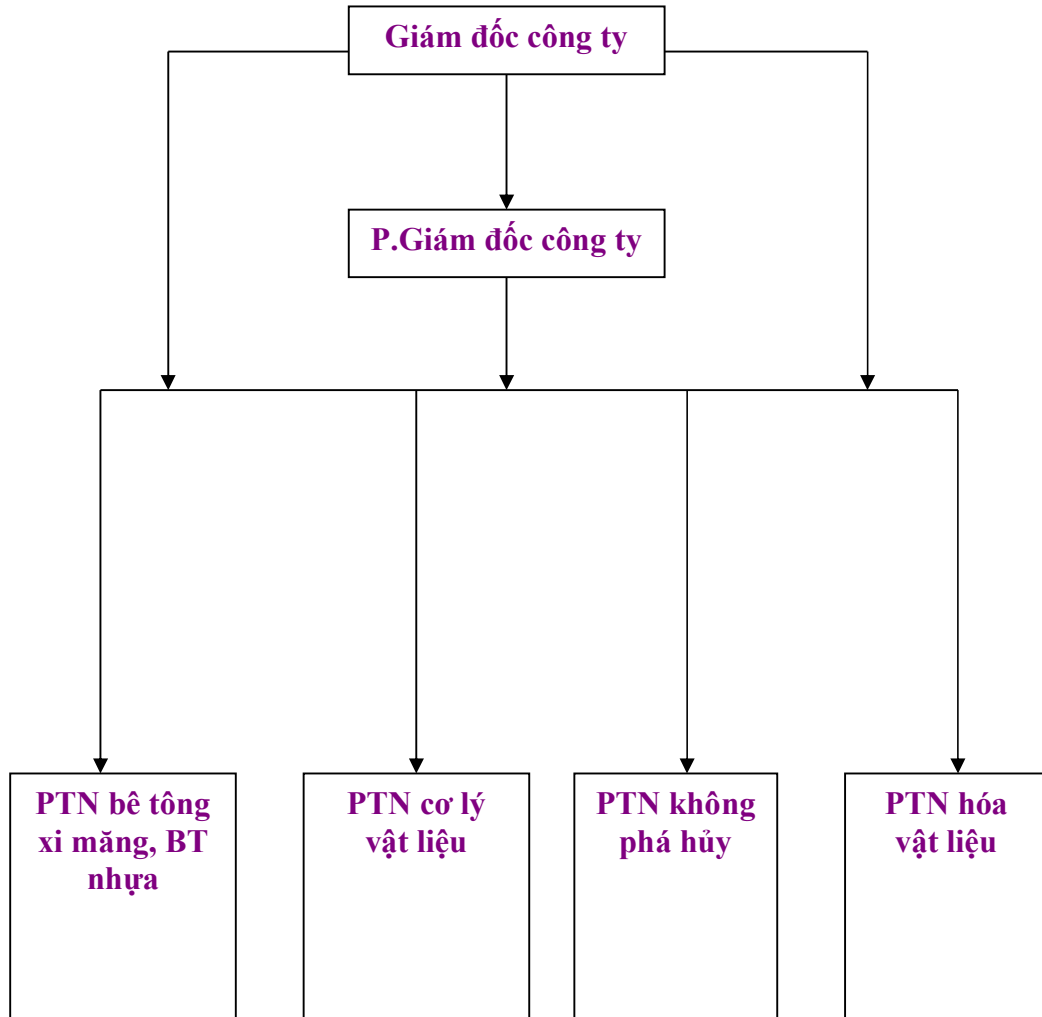
Ngày đóng: **08-11-2023**

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1



Nguyễn Khoa Hải

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC PTN



HỒ SƠ NĂNG LỰC CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Đức Nguyên Quảng Trị

2. Địa chỉ: thôn Kim Đâu, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0973.882.889 Email:ctyducnguyenqt@gmail.com

3. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 100.000

II. GIỚI THIỆU NĂNG LỰC PHÒNG THÍ NGHIỆM

- Địa chỉ văn phòng thí nghiệm LAS-XD786: Ngã tư đường Trần Bình Trọng và Lê Thánh Tông, Phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

1. Danh sách cán bộ phòng thí nghiệm.

* Nguồn nhân lực của công ty gồm: Đội ngũ Kỹ sư, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, các chuyên viên kỹ thuật lành nghề và Cử nhân chính quy của công ty đã tham gia công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng và KĐ CL công trình các lĩnh vực, các ngành dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi trong và ngoài tỉnh từ nhiều năm nay.

** Nhân sự của Phòng thí nghiệm LAS-786:*

TT	Họ và tên	Vị trí công tác	Chuyên ngành	Kinh nghiệm, năm
1	Trần Thế Vương	Giám đốc	Ks. xây dựng cầu đường	14
2	Đoàn Đình Tứ	P.giám đốc/T.phòng thí nghiệm	Ks. xây dựng cầu đường	9
3	Trương Văn Minh	Thí nghiệm viên	Trung cấp giao thông	16
4	Phạm Văn Tịnh	Thí nghiệm viên	Trung cấp giao thông	12
5	Trần Văn Hoàng	Thí nghiệm viên	Trung cấp giao thông	14
6	Hoàng Minh Hiền	Thí nghiệm viên	Trung cấp giao thông	11
7	Khổng Văn Trọng	Thí nghiệm viên	KS Điện DD	9
8	Lê Đình Niên	Thí nghiệm viên	KS Địa chất	13

2. Một số công trình đang tham gia thí nghiệm của LAS-XD786.

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
I	Các công trình giao thông và Hạ tầng kỹ thuật			
1	Đường kết nối trung tâm các huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (GĐ1)	Ban QLDA, PTQĐ và cụm công nghiệp, du lịch biển huyện Vĩnh Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
2	Nâng cấp đường 73 Đông (cũ), huyện Gio Linh	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ và Cụm công nghiệp huyện Gio Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
3	Nâng cấp đường Nguyễn Du, thị trấn Hồ Xá	Ban QLDA, PTQĐ và cụm công nghiệp, du lịch biển huyện Vĩnh Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
4	Đường GT biên giới nối các trạm kiểm soát Biên phòng Xà Heng, A Dơi, Pa Roi, Xy, huyện Hướng Hóa	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
5	Đường giao thông liên thôn Mã Lai- Tân Pun, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa	Đoàn KTQP 337/ QK4	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
6	Đầu tư xây dựng công trình (GĐ2) KTQP Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị/ QK4	Đoàn KTQP 337/ QK4	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã có tỷ lệ hộ nghèo vùng cao đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1).	Ban dân tộc tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
8	Cầu Bắc Phú, xã Vĩnh	Ban QLDA	Thí nghiệm	Cầu và

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
	Chấp, huyện Vĩnh Linh	ĐTXD, PTQĐ, Cụm công nghiệp và DLB huyện Vĩnh Linh	vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	đường giao thông
9	Cầu Trạm xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ, Cụm công nghiệp và DLB huyện Vĩnh Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Cầu và đường giao thông
10	Sửa chữa mặt đường đoạn Km4+100 – Km5+300 ĐT585	Ban bảo trì - Sở GTVT Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
11	Sửa chữa cục bộ đường đoạn Km8+800 – Km10+800 – ĐH.46; Đường liên thôn Xuân – Tam – Mỹ, xã Triệu Trung; Đường liên thôn An Lợi, xã Triệu Độ; Đường liên thôn Hà My, xã Triệu Hoà và Đường liên thôn Nại Hiệp, xã Triệu Ái.	Ban bảo trì - Sở GTVT Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
12	Sửa chữa đường nối 49c đến đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây	Ban bảo trì - Sở GTVT Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
13	Sửa chữa mặt đường Km4+100 – Km5+300 ĐT.585	Ban bảo trì - Sở GTVT Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
14	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km1+350 - :- Km2+400 - ĐT.585	Ban bảo trì - Sở GTVT Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
15	Sửa chữa đường từ ĐT.585 đi khu phố Nghĩa Hy - Nam Hùng, TT Cam Lộ và hệ thống thoát nước khu vực đầu tuyến ĐT.585	Ban bảo trì - Sở GTVT Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
16	Đường Thượng Xá – Dốc Sơn – Bến Lùng (HD52)	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Hải Lăng	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
17	Tuyến 2- Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ và Cụm công nghiệp huyện Cam Lộ	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Giao thông
18	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ khu vực Bắc sông Hiếu	Trung tâm PTQĐ tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
19	Cung cấp vật tư, thiết bị và nhân công thi công san lấp và hạ tầng gói thầu P2 (10,9 ha) của Khu công nghiệp Quảng Trị - Giai đoạn 1	Công ty TNHH liên danh phát triển Quảng Trị (QTIP)	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
20	Cung cấp vật tư, thiết bị và nhân công thi công san lấp và hạ tầng gói thầu P2 (10,9 ha) của Khu công nghiệp Quảng Trị - Giai đoạn 1	Công ty TNHH liên danh phát triển Quảng Trị (QTIP)	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
21	Cung cấp vật tư, thiết bị và nhân công thi công san lấp và hạ tầng gói thầu P3 (3.8 ha) của Khu công nghiệp Quảng Trị - Giai đoạn 1	Công ty TNHH liên danh phát triển Quảng Trị (QTIP)	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
2	Cung cấp vật tư thiết bị	Công ty TNHH	Thí nghiệm	Mặt bằng và

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
	và nhân công thi công san lấp và hạ tầng gói thầu P4 (25.4 ha) của khu công nghiệp Quảng Trị - Giai đoạn 1	liên danh phát triển Quảng Trị (QTIP)	vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	đường giao thông
23	Khu tái định cư phục vụ dự án thành phần đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn huyện Cam Lộ (khu vực xã Cam Thủy)	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ và Cụm công nghiệp huyện Cam Lộ	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
24	Khu tái định cư phục vụ dự án thành phần đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn huyện Cam Lộ (khu vực xã Cam Hiếu)	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ và Cụm công nghiệp huyện Cam Lộ	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
25	Khu tái định cư Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Dự án thành phần đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ, Cụm công nghiệp và DLB huyện Vĩnh Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
26	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ và Cụm công nghiệp huyện Gio Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
27	CSHT Khu đô thị phía Đông hồ Đập Thanh, TT Diên Sanh	Ban QLDA ĐTXD & PT Quỹ đất huyện Hải	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất	Mặt bằng và đường giao thông

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
		Lăng	lượng công trình	
28	Khu dân cư Tây Nam Quốc lộ 1 (giai đoạn 2) thị trấn Hồ Xá	Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings – Đà Nẵng	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	- Mặt bằng và đường giao thông - Nén tĩnh cọc BTCT (30x30)cm
29	Xây dựng cơ sở hạ tầng KP4, TT Cam Lộ (GD 3)	Ban QLDA ĐTXD, PTQĐ và Cụm công nghiệp huyện Cam Lộ	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Mặt bằng và đường giao thông
II Dân dụng và công nghiệp				
1	Trường Mầm non Tuổi Hoa, xã Thanh An	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Cam Lộ	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
2	Trụ sở phòng giao dịch Nam Cửa Việt thuộc Agribank Chi nhánh Triệu Phong Quảng Trị.	Agribank Quảng Trị	nén tĩnh cọc BTCT (300x300)mm. - Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
3	Mở rộng nhà làm việc Trụ sở Quỹ tín dụng nhân dân Hồ Xá	Quỹ tín dụng nhân dân Hồ Xá	- Thí nghiệm nén tĩnh cọc BTCT (300x300)mm. - Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
4	Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate	Công ty cổ phần Hiệp Phú - Vico	- Thí nghiệm nén tĩnh cọc BTCT (300x300)mm. - Thí nghiệm vật liệu và	Dân dụng

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
			kiểm tra chất lượng công trình	
5	Nhà văn hoá trung tâm thị xã Quảng Trị.	Ban QLDA, phát triển quỹ đất, cụm công nghiệp và dịch vụ công ích thị xã Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
6	Hoàn thiện công trình xây dựng Trung tâm Truyền hình kỹ thuật số Đài phát thanh -Truyền hình Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị.	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
7	Hội trường Huyện ủy Cam Lộ.	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Cam Lộ	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
8	Công trình: Xưởng may hoàn tất. Hạng mục: Xây dựng nhà xưởng may (tầng 1, lợp mái, cấp thoát nước khu vệ sinh); Nhà bảo vệ; Cổng tường rào; San nền+sân, đường nội bộ	CÔNG TY TNHH DỆT MAY VTJ Toms	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
9	Gói thầu số 6: Thi công xây dựng các hạng mục: Nhà trung bày – tường niệm; Nhà bao che-phục vụ thi công; Tu bổ nhà lưu niệm; Sân lát đá xanh; Hạ giải các hạng mục đã có; Lắp đặt thiết bị công trình thuộc Khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn.	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
10	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh	Ban QLDA, PTQĐ và cụm công nghiệp, du	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất	Dân dụng

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
		lịch biên huyện Vĩnh Linh	lượng công trình	
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc thư viện tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
12	Xây dựng doanh trại Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ các địa phương. Hạng mục: Doanh trại PCCC Đakrông, Gio Linh, Hải Lăng.	Công An tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
13	Xây dựng mới nhà giam người bị kết án tử hình và cải tạo, nâng cấp phòng hỏi cung thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị	Công an tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
14	Trường PTDTBT TH&THCS Linh Trường (Điểm trường BADE)	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
15	Trường mầm non Cửa Tùng, điểm Trường trung tâm	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
16	Trường PTDTBT TH Vĩnh Ó, huyện Vĩnh Linh (điểm trường trung tâm)	Ban QLDA, PTQĐ và cụm công nghiệp, du lịch biên huyện Vĩnh Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
17	Thi công xây dựng trường TH&THCS xã Hải An (giai đoạn 2021-2025)	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Hải Lăng	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
18	Nhà vận động viên năng khiếu tỉnh	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
19	Trung tâm y tế Đakrông	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
20	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị trạm y tế các xã: Triệu Thượng, Triệu Vân, Triệu Phước	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
21	Trường TH&THCS Mồ Ó – Điem trường Phú Thiềng	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Đakrông	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
22	Thi công xây dựng công trình Trường THPT Trần Thị Tâm	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Hải Lăng	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
23	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Khoa chuẩn đoán hình ảnh, khoa truyền nhiễm	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
24	Trường tiểu học số 1 Hướng Hiệp. Hạng mục: Nhà 3 tầng 9 phòng học (6 phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị) tại điểm Ruộng	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Đakrông	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
25	Xây dựng trụ sở làm việc kết hợp nhà phụ trợ và các hạng mục phụ trợ phòng giao dịch NHCSXH huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị	NHCSXH tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
26	Trường tiểu học Gio Sơn	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Gio Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
27	Thi công và thiết bị xây dựng Nhà thi đấu đa năng khu vực Đakrông thuộc dự án: Nhà thi đấu đa năng khu vực Đakrông	Ban QLDA ĐT XD & PT Quỹ đất huyện Đakrông	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
28	Trường THPT Triệu Phong	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
29	Trường THCS Nguyễn Trãi thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA, PTQĐ và cụm công nghiệp, du lịch biển huyện Vĩnh Linh	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
30	Trường TH & THCS hải Trường, điểm Tân Trường, Hia Lăng	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Dân dụng
III Thủy lợi				
1	Hồ Trung tâm thị xã Quảng Trị	Ban QLDA, phát triển quỹ đất, cụm công nghiệp và dịch vụ công ích thị xã Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Thủy lợi
2	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thạch Hãn đoạn qua Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử và các thôn Đại Thượng Hạ, Cồn Bồi Kiệt, An Định, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong	Ban QLDA tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Thủy lợi
3	Xây dựng điểm cơ sở	Sở nông nghiệp	Thí nghiệm	Thủy lợi

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên công trình	Tên chủ đầu tư	Công việc thực hiện	Ghi chú
	A11 theo đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam – Đặc khu kinh tế Đảo Cồn Cỏ	và môi trường tỉnh Quảng Trị	vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	
4	Thi công xây dựng sửa chữa cọc 606(1) và kê bảo vệ cọc 606(1), 606(1) thuộc thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sở nội ngoại vụ tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Thuỷ lợi
5	Gói thầu số 02: Thi công xây dựng sửa chữa cọc 607 (1) và kê bảo vệ cọc 607 (1) thuộc địa phận xã Thanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị.	Sở nội ngoại vụ tỉnh Quảng Trị	Thí nghiệm vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình	Thuỷ lợi
....				

63. Máy móc thiết bị.

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
A	THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MÔI HÀN, BÊ TÔNG XI MĂNG				
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN-LUDA-VÔ TÍCH-TQ Model: WE-1000B (Ngàm kẹp thủy lực) Bao gồm: Máy chính, 1 bộ thớt nén, bộ gối uốn BT và thép, tụy ô. Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN	1	bộ	Trung Quốc	Hoạt động tốt
2	Khuôn lập phương 15x15x15	45	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
3	Khuôn lập phương 15x15x600	15	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
4	Khuôn hình trụ $\Phi 15 \times 30$	15	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
5	bàn rung mẫu bê tông 600x900	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
6	Khuôn lập phương 20x20x20	5	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
7	Côn thử độ sụt bê tông, côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303	5	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
B	THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY				
1	Máy nén, uốn xi măng - Khả năng nén/vạch chia: 100KN/0,2KN	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	Đồng hồ chỉ thị 2 kim đường kính 26cm	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
3	Bộ tám ép mẫu gạch tự chèn	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
4	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
5	Bộ gá nén mẫu XM 40x40	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
6	Bộ gá ép mẫu gạch	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
7	Dụng cụ VICA Bao gồm: thân chính gắn thước, thân dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tám kính	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
8	Thùng hấp mẫu XM Dung tích: 20 lít Kích thước thùng: 220x250x380	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
9	Khuôn uốn XM 40x40x60 kép 3	1	bộ	Trung Quốc	Hoạt động tốt
10	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: ZS-15 biên độ rung: 15+/- 0,3mm Trọng lượng rùn: 20kg	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
11	Khuôn xi măng Le Chaterlier	6	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
				Quốc	
12	Bình tỷ trọng xi măng	6	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
13	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
14	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của cữa	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
C	THÍ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ, CẤP PHỐI, CÁT				
I	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn				
1	Protor cải tiến: cối +chày	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	Protor tiêu chuẩn: cối +chày	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
II	Thí nghiệm CBR				
1	Máy nén CBR/MARSHALL 50KN Kiểu dáng Châu Âu - Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/ 50HZ, theo tiêu chuẩn ASTM, AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt nam, tốc độ gia tải 1,27mm/phút và 50,8mm/phút. - Kèm theo: piston xuyên CBR, piston nén marshall, gá đỡ đồng hồ so CBR; 1 đồng hồ so 10 x 0.01mm (chưa kèm Cung lực và Bộ ép 2 nửa)	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	cung lực 60KN, đồng hồ chỉ thị	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
3	Khuôn CBR Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so.	3	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
4	Đồng hồ so, dải đo 10x0,01mm	6	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
III	Thí nghiệm thành phần hạt				
1	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm và D300 Bao gồm các cỡ từ 0,075-70mm có cả đáy và nắp	25	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
2	Tỷ trọng kế 0,995-1,030	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
3	Tỷ trọng kees0-60g	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
IV	Giới hạn chảy, dẻo của đất				
1	Bao gồm: Tấm kính, bình xít, 6 cốc âm, dao trộn, hộp đựng.	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	Thiết bị chảy casagrande. Bao gồm: dụng cụ chìa rãnh, dao rôn, bát rôn	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
V	Thí nghiệm nén đập trong xi lanh				
1	Bộ xi lanh nén đập đá D75	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	Bộ xi lanh nén đập đá D150	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
VI	Thí nghiệm đương lượng cát				
1	Bộ xác định đương lượng cát (không kèm máy lắc)	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
VII	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét				
1	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
3	Bảng màu chuẩn	5	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
VIII	Thí nghiệm KL thê tích, độ xốp				
1	Phễu xác định độ xốp của đá	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
2	Phễu xác định độ xốp của cát	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
3	Hộc đong 1 lít	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
4	Hộc đong 5 lít	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
5	Hộc đong 10 lít	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
6	Hộc đong 20 lít	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
IX	Các dụng cụ khác				
1	Bình tỷ trọng đất 100cc	10	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
2	Dụng cụ hấp phụ nước của cát	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
3	Bộ kim sắt xác định phong hóa	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
4	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
5	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
X	Thí nghiệm độ mài mòn của đá				
1	Máy mài mòn Los Angeles-TQ Model: MH-III Với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử; kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút; Điện áp 220VAC/1phase.	1	bộ	Trung Quốc	Hoạt động tốt
F	THÍ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG				
1	Bộ thí nghiệm độ chặt bằng PP rót cát	3	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	cát chuẩn	50	kg	Việt Nam	Hoạt động tốt
3	Bộ dao vòng	3	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
4	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh Bao gồm: Tấm ép ĐK 340mm, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân kè, 02 thiên phân kè	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
5	Bộ cần Benkenman - tỷ lệ 2:1 làm bằng ionx, rút 2 đoạn hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
6	Thước phẳng 3m	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
7	Dụng cụ xác định độ nhám bằng pp rắc cát	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
8	MÁY KHOAN MẪU BÊ TÔNG Máy khoan lấy mẫu bê tông động cơ HONDA 5,5HP; Khoan lấy mẫu BTXM; BTN; động cơ chạy bằng xăng 4 kỳ; kiểu giáng châu âu; ổn định cao khi vận hành	1	ch	Nhật bản	Hoạt động tốt
9	MŨI KHOAN KIM CƯƠNG Mũi khoan kim cương ĐK 101,6mm - loại mũi liền	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
H	THÍ NGHIỆM NHỰA - BÊ TÔNG NHỰA				
I	Thí nghiệm nhựa theo PP marshall				
1	Cung lực 30KN, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
2	Bộ chày đầm marshall bằng tay, kèm đế gỗ, 04 thanh định vị	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
3	Thân khuôn Marshall	15	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
4	Thùng ổn định nhiệt	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
II	Thí nghiệm chiết xuất bằng PP ly tâm				

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
1	Máy ly tâm tách nhựa	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	Giấy lọc	1	hộp	Việt Nam	Hoạt động tốt
III	Thí nghiệm độ giãn dài				
1	Thiết bị giãn dài nhựa, tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1500mm, động cơ 220V/50Hz	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
2	Khuôn mẫu chuẩn, hình số 8 bằng đồng	3	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
IV	Thí nghiệm kim lún				
1	Thiết bị kim lún nhựa, Đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 50mm x 0,01mm; kèm cốc mẫu, cốc nước giữ nhiệt, 02 kim	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
V	Thí nghiệm bốc cháy nhựa				
1	Thiết bị TN bốc cháy nhựa. không kèm bình ga và van	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
VI	Thí nghiệm tổn thất khi nung				
1	Thiết bị XD tổn thất khi nung Bao gồm: mô tơ 5 vòng/phút, giá quay, 9 hộp mẫu	1	bộ	Việt Nam	Hoạt động tốt
VII	Thiết bị bột khoáng				
1	Lò nung 1000 ⁰ c	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
2	Chén sứ chịu nhiệt	6	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
3	bát sứ thí nghiệm	6	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
VIII	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Nhiệt kế thủy tinh	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
2	Nhiệt kế kim loại	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
3	Ống đong 50 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
4	Ống đong 100 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
5	Ống đong 250 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
6	Ống đong 500 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
7	Ống đong 1000 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
8	Bình tam giác 50 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
9	Bình tam giác 100 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
10	Bình tam giác 250 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
11	Bình tam giác 500 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
12	Bình tam giác 1000 ml	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
13	Cốc đong 100 ml có mỏ	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
14	Cốc đong 250 ml có mỏ	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
15	Cốc đong 200 ml có mỏ	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
16	Cốc đong 1000 ml có mỏ	2	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
17	Khay trộn mẫu 20x30	6	ch	Việt Nam	Hoạt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Tên thiết bị - thông số kỹ thuật	số lượng	ĐVT	Nước Sản xuất	Chế độ kiểm tra
					động tốt
18	Khay trộn mẫu 500x500x50	3	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
19	Bình hút ẩm	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
20	Bộ cối chày bằng sứ	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
21	Chày cao sứ	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
22	Bơm chân không	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
23	Bình hút chân không 8 lít	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
24	Ống cao su	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
25	Đồng hồ chỉ thị áp	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
26	Hộp ẩm bằng nhôm	39	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
27	Bếp cách cát 1000W/220V	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
28	Bộ cối chày bằng đồng	1	ch	Việt Nam	Hoạt động tốt
29	Đồng hồ bấm giây	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
30	Cân điện tử 600g - 0,01g	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
31	Cân điện tử 15kg - 0,1g	3	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
32	Cân điện tử 20 kg - 1g	1	ch	Trung Quốc	Hoạt động tốt
33	Máy thử thấm bê tông xi măng	1	cái	Trung Quốc	Hoạt động tốt

4/ Tên các phép thử và thiết bị máy móc của phòng thí nghiệm (Lưu ý: Trong quá trình thực hiện cần cập nhật tiêu chuẩn hiện hành):

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Thử nghiệm cơ lý xi măng		

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả
	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:95	Sàng (ISO 2591 và 3310-1), kích thước mắt sàng (ISO 565), máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn (điển hình), máy thử độ bền uốn (10kN,1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400kN;200N/s), gá định vị, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm
	-XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tâm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lọc mẫu, khuôn Lơ Satolie
II	Cốt liệu cho bê tông và vữa		
	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:06	Cân kỹ thuật (0.01g), bộ sàng tiêu chuẩn và tấm đục lỗ 90,100,110,120m m.. .tủ sấy điều chỉnh được t ⁰
	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06	
	Xác định KL riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:06	
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá góc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	Cân thủy tinh, bình khối lượng riêng.....

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hông	TCVN 7572-6:06	Phễu xác định độ xốp, thùng đong
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06	Cân, tủ sấy, khay sấy
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06	Thùng rửa cát đá, cân
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06	Bảng màu chuẩn, hóa chất NaOH, Chai phản ứng
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 :06	Máy nén, máy cắt gia công mẫu.
	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Bộ dụng cụ nén đập xy lanh D75mm và D150mm, máy nén
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	Máy mài mòn Los Angeles
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Thước kẹp cải tiến, cân
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06	Kim sắt, kim nhôm, cân...
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	
	Xác định Hệ số (ES)	ASTM D2419-91	Bộ ống xy phoong, máy lắc, hóa chất
III	Thử nghiệm vữa xây dựng	TCVN 4314:86	
	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 03	Bộ sàng tiêu chuẩn
	- Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121-2: 03	
	- Xác định độ lưu động của vữa tại	TCVN 3121-3: 03	Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép (Φ 10-12mm, dài 250mm), chảo sắt, xêng con, bay thợ nề
	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 03	Bình trụ bằng sắt (1000±2ml), chày

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			đầm, cân kỹ thuật (1g), dao, bay, chảo sắt.
	- Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 03	Đồng hồ bấm dây, giấy lọc, chảo sắt, bay, thiết bị tạo chân không
	- Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tai	TCVN 3121-9: 03	Thiết bị xác định thời gian đông kết, khuôn đúc mẫu, kim xuyên tiêu chuẩn...
	- Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10: 03	
	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN3121-11: 03	Khuôn (40x40x160)mm hoặc khuôn (70,7x70,7x70,7)mm, máy nén thủy lực ($\pm 2\%$), 2 tấn đệm bằng thép (chày đầm, bộ khuôn gá lắp khi dùng khuôn 70,7x70,7x70,7mm), bộ gá uốn
	- Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN3121-12: 03	Thiết bị kéo đứt (5-100KN), khoan ống ($\Phi 50$ mm), máy mài, đá mài, bàn chải nhựa, chổi lông, dao thép, thước kẹp, cốc và đĩa để trộn keo, tấm thép hình vành khăn (Φ trong 10cm, Φ ngoài 20cm), dày 5mm, keo dán chuyên dùng.
	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18: 03	Cân kỹ thuật (1g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy 200°C, khăn lau
	- Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây	TCVN 4459:87	
IV	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng		
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN3106:1993	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN3107:1993	Nhót kế Vebe, bàn rung, que chọc, đồng hồ bấm giây.
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN3108:1993	Thùng kim loại 5, 151 (cao 186 và 267mm), thiết bị đầm (2800 – 3000 vg/ph, biên độ 0.35 0.5mm), cân kỹ thuật (50g), thước lá thép 400mm
	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN3109:1993	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật 50g (0.01g), sàng 5mm, thước lá kim loại, ống đong 50-200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN3110:1979	Cân kỹ thuật 50kg (0.1g), sàng (5, 1, 2, 0.15), tủ sấy 200 ⁰ C, khay sắt, khay sấy, xẻng xúc
	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN3111:1993	Bình bọt khí, bàn rung (2800 ±200vg/ph), que chọc
	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN3112: 1993	Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác, cân phân tích (0.01g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 200 ⁰ C, sàng 2 hoặc 2.5mm, nước lọc, dầu hỏa, cồn 90 ⁰ .
	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN3113: 1993	Cân kỹ thuật (5g), thùng ngâm mẫu, tủ sấy 200 ⁰ C, khăn lau.
	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114: 1993	Máy mài mòn (30 ± 1vg/ph), cân kỹ thuật (0.01g), thước kẹp, cát mài
	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:1993	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, bếp điện và thùng

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			nấu paraffin, tủ sấy 200 ⁰ C
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 1993	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, paraffin, tủ sấy 200 ⁰ C, giá ép mẫu.
	Xác định độ co của bê tông	TCVN3117:1993	Đồng hồ đo độ co ngót, chốt và đầu đo, tủ sấy 200 ⁰ C, tủ khí hậu (27 ± 20C, độ ẩm 80 ± 5%).
	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN3118:1993	Máy nén 150 – 200 tấn (6 ±4daN/cm ² -s, thước lá kim loại, đệm truyền tải)
	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN3119:1993	Máy thử uốn 50 tấn (0.6± 0.4 daN/cm ² -s), thước lá kim loại.
	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN3120:1993	Máy nén 50 tấn (0.6± 0.4 daN/cm ² -s), gói truyền tải, đệm gỗ.
	Lấy mẫu bê tông bằng khoan từ cấu kiện	ASTM C 42 – 1900	Máy khoan bê tông lưỡi bằng kim cương, máy cưa bê tông lưỡi bằng kim cương, dụng cụ capping (≤ 5 ⁰), bể ngâm mẫu (23±1,7 ⁰ C)
V	Lĩnh vực thử nghiệm đất trong phòng		
	xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:95	Cân kỹ thuật (0.01g), bình tỷ trọng (100cm ³), cối chày sứ (đồng), ray 2 mm, bép cát, tủ sấy (t ⁰), tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ(hộp nhôm có nắp).
	xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:1995	Tủ sấy (t ⁰) đến 300 ⁰ C, cân kỹ thuật (0.01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có Clorua canxi, ray 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su,

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			khay men phơi đất.
	xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:1995	Quả dọi thẳng bằng(góc ở đỉnh 300 cao 25 mm), hai quả cầu bằng kim loại, thanh thép nối hai quả cầu thành nửa vòng tròn (khối lượng $76 \pm 0.2g$, khuôn hình trụ kim loại không gỉ $\Phi > 40$ mm,cao > 20 mm, các tấm kính nhám, ray 1mm, cối chày sứ có đầu bọc cao su, bình thuỷ tinh có nắp, cân kỹ thuật (0.01g), cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy (t^0), bát sứ tráng men, dao để trộn- dụng cụ Casagrande
	xác định các thành phần hạt	TCVN 4198:1995	Cân kỹ thuật(0.01), bộ ray (10 ; 5 ; 2 ; 1.05 ; 0.25 ; 0.1), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình hút ẩm có Clorua canxi, tủ sấy (t^0), quả lê bằng cao su, dao con, cân (01 g), máy lắc sàng , cân phân tích, tỷ trọng kế (0.001), bộ phận đun và làm lạnh , bình tam giác(1000 cm ³ , $\Phi 60 \pm 2mm$), nhiệt kế (0.5 ⁰ C), que khuấy, đồng hồ bấm, máy rửa, ống hút(5cm ³ , 50cm ³), thước thẳng 20cm.
	xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng .	TCVN 4199:1995`	Máy cắt mặt phẳng loại A :lực cắt tác động trực tiếp, loại B ;Lực cắt tác dụng gián tiếp, hộp cắt,

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, máy nén (cánh tay đòn), hộp để bão hoà nước, thiết bị giữ ẩm, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân (0,1. 10 ⁵ N/m ² ... 1.10 ⁵ N/m ²)
	xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:1995	Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), các dụng cụ khác: mẫu chuẩn bằng kim loại, dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy (t ⁰), cân kỹ thuật (0.1g), đồng hồ đo biến dạng(0.01mm).
	xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:1995	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật(0.01g), sàng 5mm, bình phun nước, tủ sấy (t ⁰), bình hút ẩm có Clorua canxi, hộp nhôm có nắp (cốc thuỷ tinh), dao gạt đất, vò đập đất, (khay 40x60 cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su
	Đất xây dựng – phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:1995	Dao vòng bằng kim loại ≥ 50cm ³ , Φ trong ≥ 50mm(cho đất cát bụi và ≥ 100 mm cho đất cát thô, ≥ 40 mm cho đất sét đồng nhất, chiều cao ≤ đường kính và < nửa đường kính), thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, cân kỹ thuật (0.01g và

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			0.1g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm hoặc cốc thuỷ tinh có nắp, tủ sấy (t^0), bình hút ẩm
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06	Máy ép 50KN, khuôn CBR.....
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01	Máy nén anconfile
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00	Hộp thấm, bảng cột nước đo thể tích
	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:06	Dụng cụ đảm nén.
VI	Bê tông nhựa		
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8860-5:11	Cân thuỷ tinh hay cân kỹ thuật (0.01g) , các phụ kiện, chậu men (Thuỷ tinh 2-3 L).
	Xác định khối lượng riêng của các vật liệu thành phần trong bê tông nhựa	TCVN 8860-4:11	Cân thuỷ tinh hay cân kỹ thuật (0.01g), các phụ kiện, chậu men (Thuỷ tinh 2-3 L).
	Xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa bằng phương pháp tỷ trọng kế và phương pháp tính toán	22 TCN 62:1984	Bình khối lượng riêng 250 hay 500 cm^3 , cân kỹ thuật(0.01g), máy hút chân không, nhiệt kế thuỷ ngân, chậu rửa, ống nhỏ giọt, nước cất, dung dịch có phụ gia tầm ướt.
	Độ rỗng của cốt liệu và độ rỗng dư ở trạng thái đầm chặt	TCVN 8860-10:11 TCVN 8860-9:11	Bình khối lượng riêng 250 hay 500 cm^3 , cân kỹ thuật(0.01g), máy hút chân không, nhiệt kế thuỷ ngân, chậu rửa, ống nhỏ giọt, nước cất, dung dịch có phụ gia tầm ướt.
	Độ bão hoà nước của	22 TCN 62:1984	Cân thuỷ tinh hay

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

	bê tông nhựa		cân kỹ thuật (0.01g) kèm các phụ kiện, máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, chậu men hay thủy tinh (2-3L).
	Hệ số trương nở của bê tông nhựa sau khi bão hoà nước	22 TCN 62:1984	Cân thủy tinh hay cân kỹ thuật (0.01g) kèm các phụ kiện, máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, chậu men hay thủy tinh (2-3L).
	Cường độ chịu nén của bê tông nhựa	22 TCN 62:1984	Máy nén (5-10T), nhiệt kế, bình ổn định nhiệt (3-5L), chậu (3-8L), nước đá để điều chỉnh nhiệt độ.
	Hệ số ổn định nước và ổn định nhiệt của bê tông nhựa	22 TCN 62:1984	Máy nén (5-10T), nhiệt kế, bình ổn định nhiệt (3-5L), chậu (3-8L), nước đá để điều chỉnh nhiệt độ.
	Hệ số chịu nước sau khi bão hoà nước lâu của bê tông nhựa	22 TCN 62:1984	Cân thủy tinh hoặc cân có phụ kiện để cân trong nước, máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, máy nén >5T, bình ổn định nhiệt, chậu đựng nước 3-5 lít.
	Thí nghiệm Marshall xác định độ bền và độ dẻo của bê tông nhựa	TCVN8860-1:11	Máy nén Marshall hay máy nén (50mm/ph), khuôn gá kiểu Marshall, kèm đồng hồ đo độ chảy, chậu đáy bằng (8-101 cao 150mm), nhiệt kế (1000C-0.10C), nước sôi và nước lạnh, bình ổn định nhiệt.
	Xác định hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng phương pháp chiết	TCVN8860-2:11	Dụng cụ xóc lét, ống ngưng lạnh nghịch, tủ sấy, bếp cát, bếp thủy

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			chung, chén sứ, giấy lọc, bông non các dung môi.
	Xác định thành phần của hỗn hợp bê tông nhựa sau khi chiết	TCVN8860-3:11	Bộ sàng(40 ; 25 (20) ; 15 ; 10 ; 5 ; 3 (2.5); 1.25 ; 0.63 ; 0.315 ; 0.14 ; 0.071 mm), cân kỹ thuật, bát sứ (15-25mm).
	Xác định hàm lượng Bitum và thành phần hạt trong hỗn hợp bê tông nhựa theo phương pháp nhanh	22 TCN 62:1984	Cốc kim loại có nắp đậy kín (cao 15cm, Φ10cm), bộ sàng (15 ; 10; 5 ; 3 ; (2.5) ; 1.25 ; 0.63 ; 0.315 ; 0.14 ; và 0.071 mm), cân kỹ thuật (0.01g), bát sứ (Φ15-25cm), ống đong thuỷ tinh có khắc độ (500 – 1000ml), cốc hoá học (2.5l), pipet 50 cm ³ , quả bóp cao su, thìa kim loại, bếp cách cát, chậu (Φ30 – 40 cm), tủ ổn định nhiệt, dầu hoả.
VII	Nhựa bitum		
	Xác định độ kim lún ở 25 ⁰ C	TCVN 7495:05	Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 500C (0.10C), chậu nhôm đáy phẳng (Φ55, cao 35mm), hộp nhôm (Φ150, cao 80mm), chậu đựng nước (15l)
	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:05	Máy kéo dài (5cm ± 0.5cm/ph), khuôn bằng đồng, nhiệt kế 50 ⁰ C (0.1 ⁰ C), chậu đựng nước (15l), đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05	Khuôn tròn, bi tròn (Φ9.5 ± 0.03mm), nặng 3.5 ± 0.05g, khuôn treo, bình

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			thủy tinh, dao cắt, nhiệt kế (200 ⁰ C, chia 0.5 ⁰ C), đèn cồn
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	22 TCN 279:2001	Giá có vòng đỡ, các chén sắt, nhiệt kế (400 ⁰ C), đèn cồn, đồng hồ bấm dây.
	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:05	Lò sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu, cân kỹ thuật (0.01g)
	Xác định tỷ lệ độ kim lún của nhựa nhựa đường sau khi đun ở 163 ⁰ C trong 5h so với kim lún ở 25 ⁰ C	22 TCN 279:2001	Cân kỹ thuật (0.01g), bát sắt, lò nung, bình hút ẩm
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích
	Xác định khối lượng riêng (ở 25 ⁰ C)	TCVN 7501:05	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật (0.01g), tủ sấy , nhiệt kế 100 ⁰ C, chậu nước cất, nước đá.
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05	Cốc mỏ 1000ml, bếp điện, đồng hồ bấm dây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm
	Xác định hàm lượng Paraphin	22 TCN 279:2001	Cân kỹ thuật (0.5mg), tủ sấy , nhiệt kế, đèn cấp nhiệt, bồn làm lạnh, bộ thiết bị chưng cất, bình lọc 500ml và thiết bị hút chân không, khay , phễu, thước đo , ê te, ...
VIII	Thử nghiệm vật liệu bột khoáng trong BTN		
	Thành phần hạt	22 TCN 58:1984	Bộ sàng (1,25 ; 0,63 ; 0,315 ; 1 ; 14 ; 0.071mm), cân kỹ thuật (0.1g), bát sứ (15-20cm) , chày bịt

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			cao su, bình đựng nước (6-10l), bình hút ẩm.
	Lượng mất khí nung	22 TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g), chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm
	Hàm lượng nước	22 TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g), tủ sấy, hộp nhôm
	Khối lượng riêng	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-250cm ³), cân kỹ thuật (0.01g), máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy, nhiệt kế 200 ⁰ C (1 ⁰ C), sàng (1.25 và 0.14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa.
	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984	Khuôn, máy nén, cân kỹ thuật (0.5g), khay men, dao gạt, chổi lông
	Hệ số hao nước	22 TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g), chén sứ, chày bịt cao su, ống đong (50ml chia 0.5ml), que thủy tinh, phễu, nước cất, dầu hỏa.
	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g), bình thủy tinh, giấy lọc, bình để rửa, tủ sấy, bát sứ, nước cất.
	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100 đến 250 cm ³), cân kỹ thuật (0.01g), máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy, nhiệt kế 200 ⁰ C (1 ⁰ C), sàng (1.25 và 0.14 mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa.
	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g), cối sứ, chày có đầu bọc cao su, bát sứ, tủ sấy, khuôn thép, dao gạt, máy nén thủy lực, máy trộn bê

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			tông nhựa, nhiệt kế(1 ⁰ C), Sàng 1.25mm.
	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Dụng cụ đúc mẫu, khuôn, cân kỹ thuật(0.01g), cân thủy tinh(0.01g), thiết bị không chế nhiệt, nhiệt kế, máy hút chân không, chậu nước.
	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01 g), dụng cụ vika, bát sắt (cao 20, đường kính 20mm), bát sứ (Φ80-120mm), dầu AK15, dao thép.
IX	Lĩnh vực kim loại, hàn		
	Thử kéo	TCVN 197:02	Máy kéo vạn năng WE-1000B, thước kẹp kim loại, dụng cụ khắc vạch, máy cắt gia công mẫu, cân kỹ thuật.
	Thử uốn	TCVN 198:85	Máy kéo vạn năng WE-1000B, thước kẹp kim loại, bộ gối uốn các cỡ, kính lúp
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:91	Máy kéo vạn năng WE-1000B, thước kẹp kim loại, bộ gối uốn các cỡ, kính lúp
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:91	Máy kéo vạn năng WE-1000B, thước kẹp kim loại, bộ gối uốn các cỡ, kính lúp
X	Thí nghiệm hiện trường		
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCXD 226:1999	Thiết bị nén tĩnh dọc trục (kích thủy lực, dầu chất tải, bộ lưu giữ, xử lý số liệu)
	Cọc - Thí nghiệm tải trọng tĩnh nén dọc trục	TCXD 269:2002	Thiết bị nén tĩnh trục (kích thủy lực, dầu chất tải, bộ lưu giữ, xử lý số liệu)
	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 3972:1985	Các thiết bị trắc địa
	Xác định thành phần cơ	22 TCN 57 : 1984	Bộ sàng cấp phối

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

	hạt của đá dăm (sỏi)		(80 , 40 , 20 , 10 , 5 mm), cân kỹ thuật (1g), xẻng xúc .
	Xác định modun đàn hồi của đất và vật liệu ảo đường tại hiện trường	TCVN 8867:11	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích (dầm khung ép), lực kế
	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cân Benkelman	TCVN 8867:11	Cần đo võng, xe đo (xe tải – trục đơn bánh kép khe hở giữa hai bánh đôi 5cm – trọng lượng trục 10.000daN.
	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3 m	22 TCN 16: 1979	Thước dài 3m (nhẹ , đủ cứng, độ võng<0.5mm, bằng hợp kim nhôm , hay gỗ tốt), nên có chiều dày 3,5,7,10,15 mm
	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06	Dụng cụ đo dung trọng (bình 1 gallon hở có lỗ Φ12,7mm), phễu, van, cân kỹ thuật, thiết bị sấy, búa chim, đục xẻng, bay, túi bao đựng mẫu khô, xô vải bạt
	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02:1971	Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200 cm ³), cân đĩa 5 kg (1-2g), cân đĩa 5kg (0.1g), dao gạt đất, hộp nhôm, vazolin, chảo sấy, cùn búa đóng loại 0.5kg, gỗ đệm.
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	Cát chuẩn
	Xác định tải trọng tĩnh của đất tại hiện trường	TCXD 80:2002	Tấm nén, bộ phận neo, hệ thống đo tải trọng và độ lún, kích (chất tải), võng kế , hệ thống móc chuẩn gắn các võng kế.
	Đo điện trở đất	TCXD 46:1984	Kim thu sét, dây thu sét, đai và lưới thu sét, bộ phân nối đất

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

			chống sét, máy hàn
	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	ASTM D4429-92	Thiết bị kiểm tra CBR tại hiện trường
XI	Lĩnh vực thử nghiệm gạch xây		
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Thước kẹp, kính lúp.
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy cưa , máy ép thủy lực 30÷60 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo.
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn , thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay , chảo.
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy , cân kỹ thuật , thùng ngâm mẫu
	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy 200 ⁰ C (không chế được nhiệt độ), cân kỹ thuật (1g), thước lá kim loại (1mm), Búa con , cối chày sứ, sàng 0.2mm hoặc 900 lỗ/cm ² , tủ sấy 200 ⁰ C (không chế được nhiệt độ), bình hút ẩm, thìa con, cân kỹ thuật (500g-0.01g), bình cổ cao, dầu hỏa.
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật (1g), thước lá (1mm), cát đen, cát tiêu chuẩn khô, giấy hoặc mút(60x60)cm
	Xác định vết tróc do vôi của các loại gạch xây	TCVN 6355-7:1998	Thước lá (1mm), thùng chứa mẫu.
	Xác định sự thoát muối gạch xây	TCVN 6476-8:1998	Khay chứa mẫu cao 30mm, có lỗ chảy tràn ở 23±3mm.
XII	Lĩnh vực thử nghiệm gạch Bloc bê tông		
	Xác định kích thước	TCVN 6477:99	Thước kẹp, thước

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

	hình học và khuyết tật ngoại quan		góc, kính lúp
	Xác định cường độ bền nén, uốn	TCVN 6477:99	Thước lá (1mm), máy nén, bay, chảo, các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày $\geq 15\text{mm}$, gá uốn
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:99	Dụng cụ thử thấm, cân kỹ thuật, ống đồng.
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:99	
XIII	Lĩnh vực thử nghiệm gạch bê tông tự chèn		
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:99	Thước kẹp, thước góc, kính lúp
	Xác định cường độ nén, uốn	TCVN 6477:99	Thước lá (1mm), máy nén, bay, chảo, các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày $\geq 15\text{mm}$, gá uốn
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:99	
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:99	Dụng cụ thử thấm, cân kỹ thuật, ống đồng.

Lưu ý: Khi triển khai công việc cần cập nhật tiêu chuẩn hiện hành

Quảng Trị, ngày tháng 1 năm 2026

Giám đốc



Trần Thế Vương

C Ô N G T Y C Ô P H Â N Đ Ú C N G U Y Ê N Q U ả N G T R ị

Địa chỉ: thôn Kim Đâu - xã Thanh An – huyện Cam Lộ - tỉnh Quảng Trị
VPĐD: Đường Trần Bình Trọng, Phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Email: ctyducnguyenqt@gmail.com
ĐT: 0973.882889 or 0973.166777

NHÂN SỰ LAS-XD 786

**BẢNG KÊ CHỨNG CHỈ HOẠT ĐỘNG
NHÂN SỰ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM**

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ/ chứng chỉ đào tạo/ phụ trách chuyên môn	Năm kinh nghiệm
1	Trần Thế Vương	Giám đốc	<p>-<i>Trình độ</i>: Ks. cầu đường - <i>Chứng chỉ</i>: + Tập huấn về Quản lý hoạt động PTN chuyên ngành xây dựng, số: 894/QĐ-HVCBXD ngày 20/8/2008 + Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý PTN chuyên ngành xây dựng số: QĐ 03 – 136/2010/BDNV ngày 07/11/2010 - <i>Lĩnh vực Phụ trách</i>: Phụ trách chung</p>	14
2	Đoàn Đình Tứ	P.giám đốc/T.phòng thí nghiệm	<p>-<i>Trình độ</i>: Ks. cầu đường - <i>Chứng chỉ</i>: + Bồi dưỡng nghiệp vụ QLPTN chuyên ngành xây dựng, số: 90.06.21/VKHCN-QLPTN ngày 15/6/2021 + Thử nghiệm tính chất cơ lý BT và Vật liệu chế tạo BT, số: 201608067/VKHCN ngày 14/11/2016. - <i>Lĩnh vực Phụ trách</i>: Phụ trách chung</p>	9
3	Trương Văn Minh	Thí nghiệm viên	<p>-<i>Trình độ</i>: Trung cấp GT. - <i>Chứng chỉ</i>: + Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của các loại vật liệu cho công trình GT, số: 16111701/B-VKHCN ngày 17/11/2016 + Thí nghiệm hiện trường đo điện trở đất hệ thống chống sét, thiết bị điện số: 2022-A0961B/VNDD-QL ngày 11/11/2022 - <i>Lĩnh vực Phụ trách</i>: Đất xây dựng; Cấp phối đá dăm; BTXM; Thép; Vật liệu chế tạo BTXM; BTN; Các thí nghiệm hiện trường.</p>	16

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

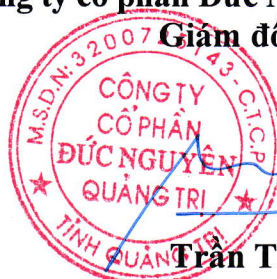
TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ/ chứng chỉ đào tạo/ phụ trách chuyên môn	Năm kinh nghiệm
4	Phạm Văn Tịnh	Thí nghiệm viên	<p>-<i>Trình độ</i>: Trung cấp GT. - <i>Chứng chỉ</i>: + Thử nghiệm tính chất cơ lý của BTN và vật liệu xây dựng, số: 201507033/VKHCN ngày 14/11/2016 + Nghiệp vụ quản lý chất lượng PTN theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, số: 324.2.58/VSQI ngày 18/3/2021 - <i>Lĩnh vực Phụ trách</i>: BTN và vật liệu chế tạo BTN; Quản lý ISO của PTN; Các thí nghiệm hiện trường.</p>	12
5	Trần Văn Hoàng	Thí nghiệm viên	<p>-<i>Trình độ</i>: Thí nghiệm viên. - <i>Chứng chỉ</i>: + Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong PTN và hiện trường. số: 2386/2007/VKH-TNXD ngày 01/10/2007. + Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. số: 2888/2008/VKH-TNXD ngày 11/1/2008 + Phương pháp thử các tính chất cơ – lý của vật liệu Kim loại và liên kết hàn. Số: 2506/2007/VKH-TNXD ngày 24/9/2007 - <i>Lĩnh vực Phụ trách</i>: Thép; Đất xây dựng; nén tĩnh.</p>	14
6	Hoàng Minh Hiền	Thí nghiệm viên	<p>-<i>Trình độ</i>: Thí nghiệm viên. - <i>Chứng chỉ</i>: + Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình GT. Số: 05/VKHCN-TNV ngày 30/5/2011 + Thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng. số: 9111-A4112B/VNĐ-TNV ngày 18/4/2022. + Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông – vật liệu trong phòng thí nghiệm, hiện trường.</p>	11

Hồ sơ năng lực

Phòng thí nghiệm vật liệu và KĐ CL công trình xây dựng (LAS-XD786)

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ/ chứng chỉ đào tạo/ phụ trách chuyên môn	Năm kinh nghiệm
			số: 8121-A3221B/VND-TNV ngày 12/3/2022 - <i>Lĩnh vực Phụ trách:</i> Đất xây dựng; Cấp phối; BTXM; Thép; Vật liệu chế tạo BTXM, vữa. BTN và các thí nghiệm hiện trường.	
7	Khổng Văn Trọng	Thí nghiệm viên	- <i>Trình độ:</i> Thí nghiệm viên - <i>Chứng chỉ:</i> Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông nhựa và Vật liệu xây dựng số: 2022-A1364B/VNDD-QL ngày 24/5/2022 - <i>Lĩnh vực Phụ trách:</i> BTN và vật liệu chế tạo BTN và các thí nghiệm hiện trường.	
8	Lê Đình Niên	Thí nghiệm viên	- <i>Trình độ:</i> Thí nghiệm viên - <i>Chứng chỉ:</i> Các phương pháp thí nghiệm địa kỹ thuật hiện trường. Gồm các lĩnh vực sau: + <i>Thí nghiệm đất xây dựng</i> + <i>Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)</i> + <i>Thí nghiệm xuyên động</i> + <i>Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)</i> + <i>Thí nghiệm nén tĩnh cọc</i> + <i>Thí nghiệm biến động nhỏ (PIT)</i> + <i>Thí nghiệm siêu âm kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi.</i> - <i>Lĩnh vực phụ trách:</i> Đất xây dựng, đất trong phòng, Đo K, E hiện trường, nén tĩnh cọc, siêu âm cọc, thí nghiệm xuyên động, xuyên tĩnh và các thí nghiệm hiện trường	13

Công ty cổ phần Đức Nguyên Quảng Trị
Giám đốc công ty



Trần Thế Vương

Hồ sơ năng lực

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RECTOR

HIỆU TRƯỞNG

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

confers

cấp

THE DEGREE OF BACHELOR

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Bridge and Highway Engineering

Kỹ sư Xây dựng Cầu - Đường bộ

Mr. Tran The Vuong

Trần Thế Vương

Upon: (Mr, Ms)

Cho:

Born on: 02-Aug-1980 In: Quang Tri

Giới tính: Nam

Major in: Civil Engineering

Ngày, tháng, năm sinh: 02/08/1980 Tại: Quảng Trị

Ranking: Above the average

SHỮNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Mode of study: Full Time

Số chứng thực: 1375... Quyền số: 01 - SCT/BS

Ngành đào tạo: Xây dựng Cầu Đường
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

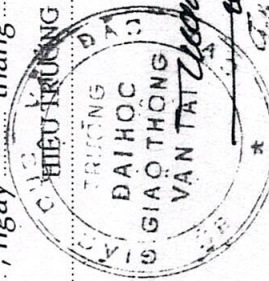
Ngày 22-07-2022

Hình thức đào tạo: Chính quy

Người thực hiện chứng thực ký tên

ĐIỀU THỊ KIM NGỌC PHƯƠNG 5

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2010



Serial number: 79/K11DN/2010

Số hiệu: 00177541

Reference number: 79/K11DN/2010

Số vào sổ cấp bằng: 79/K11DN/2010

Điều Thị Kim Ngọc

Trần Đức Giu

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Cấp cho Ông/Bà: **TRẦN THẾ VƯƠNG**

Sinh ngày: **02 - 08 - 1980**

Quê quán: **QUẢNG TRỊ**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ về:
**Quản lý Phòng Thí nghiệm
chuyên ngành Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Tháng 10 năm 2010



(Chữ ký của người được cấp)



CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2010

Số chứng thực: 11.39...quyển số: 01...SCT/BS

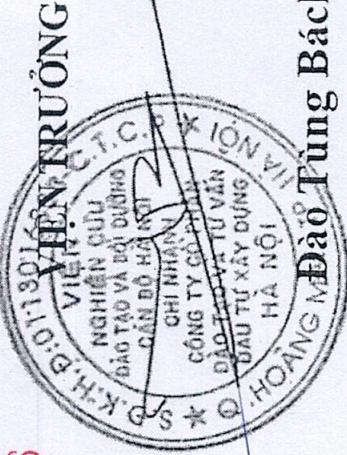
Ngày: 27...tháng...9...năm...2022.

CHỦ TỊCH UBND XÃ TRIỆU HÒA



(Handwritten signature)

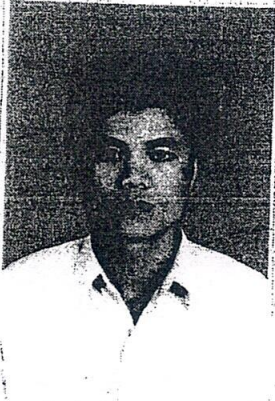
Số: QĐ 03 - 136/2010/BDNV



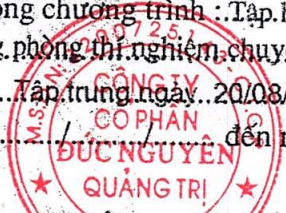
Đào Tùng Bách

Nguyễn Đình Dũng

CHỨNG NHẬN

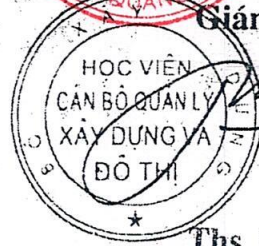


Ông (bà) : *Trần Thế Vương*
Sinh ngày : 02-08-1980
Quê quán : Quảng Trị
Đã học xong chương trình : Tập huấn về "Quản lý
hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng".
Hệ : Tập trung ngày 20/08/2008
Từ ngày / / đến ngày / /



Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2008.

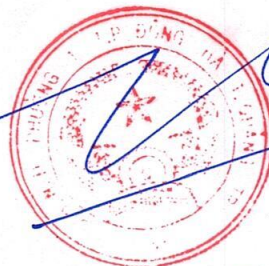
Giám đốc



Ths. Phạm Xuân Điều

Số quyết định: 894/QĐ-HVCBXD
ngày 20 tháng 08 năm 2008

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 6379/2022
Ngày: 14-12-2022
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1



Nguyễn Khoa Hải

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

The Provost
of Duy Tan University

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering (Bridge & Road Construction)

Upon: **Mr. Doan Dinh Tu**

Date of birth: **21 April 1985**

Year of graduation: **2013**

Degree classification: **Cum Laude (Good)**

Mode of study: **Full-time**

Duy Tan, 31 December 2013 - 10 - 2013

Người thực hiện chứng thực ký tên



Reg. No: **T_XDC163**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hiệu trưởng
Trường Đại học Duy Tân

cấp
BẰNG KỸ SƯ

Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng

Ông Doan Dinh Tu

Cho:

Ngày sinh: **21/04/1985**

Năm tốt nghiệp: **2013**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**



Đã Nẵng ngày 31 tháng 12 năm 2013

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
DUY TÂN



Số hiệu: **173513**

Số vào sổ cấp bằng: **T_XDC163**

TS. Võ Thanh Hải

CHỨNG THỰC BẰNG SAO ĐÚNG
Số chứng thực:
Quản số:-SCT/Đ



Điều Thị Kim Ngọc

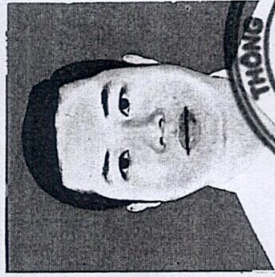
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ



Cho ông/bà: **Đoàn Đình Từ**

Sinh ngày: **21/04/1985**

Nơi thường trú: **Quảng Bình**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư - KT CT xây dựng**

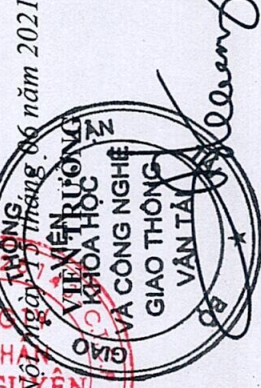
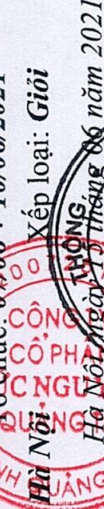
Đã hoàn thành chương trình: **Bồi dưỡng nghiệp vụ**

Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Khóa: **06**

Tổ chức: **07706 ÷ 10/06/2021**

tại: **Thành phố Hà Nội** Xếp loại: **Giỏi**



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 90.06.21/VKHCN-QLPTN chứng thực: 2-0-9.7..... Quyển số: 0.1 - SCT/BS

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

Ngày: **06-12-2023**

Người thực hiện chứng thực ký tên

PHỤ TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Văn Tiến

Điều Thị Kim Ngọc

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số liệu chứng chỉ: 201608067VXHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÊ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM
CHỨNG NHẬN

Ông : ĐOÀN ĐÌNH TỬ
Ngày sinh : 21 - 04 - 1985
Quê quán : Quảng Trạch - Quảng Bình
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông và Vật liệu chế tạo bê tông

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 03/11/2016 đến 11/11/2016
Kết quả học tập: Khá



Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 2016

VIỆN TRƯỞNG

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒNG HẢ

CHUNG THỰC BẢO SAO ĐUNG VỚI BAN CHỈNH HÒA HỌC

Số đăng ký thực: 09/2017 Quyển số: SCT 05

Ngày

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒNG HẢ

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Minh

Nguyễn Văn Minh

VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS
SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

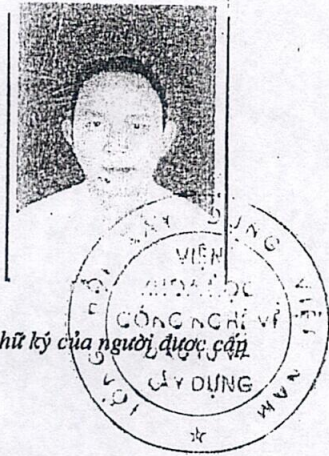
CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN



Ông: **TRƯƠNG VĂN MINH**

Ngày sinh: 10 - 10 - 1983

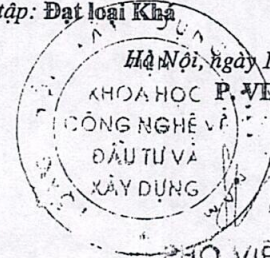
Quê quán: Phường 5 - Đông Hà - Quảng Trị

Đã tốt nghiệp khoá đào tạo về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
của các loại Vật liệu cho công trình giao thông.
Do Viện Khoa Học Công nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -
Tổng Hội Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 10/11/2016 đến ngày 17/11/2016

Kết quả học tập: **Đạt loại Khá**



Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2016

KHOA HỌC P. VIỆN TRƯỞNG

CÔNG NGHỆ V
ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. *Trương Văn Minh*

Số hiệu chứng chỉ
16111701/B-VKHCN

Số vào sổ: 16111701
Ngày 17 tháng 11 năm 2016

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2980. Quyển số: 02 SCT/BS

20-08-2023

CHỖ CHỮ CHỮ ĐÓNG PHƯƠNG 1



Nguyễn Khoa Hải

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:

Mr/Mrs: TRUONG VAN MINH

Has successfully passed Training Course on

Field experiments measuring ground resistance of lightning

protection systems, electrical equipment

In November 2022

Ref.N^o: 2022-4096/ITBM/DDD-01

CHỨNG THỰC BÀN SƠ ĐỒ BÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 27.../2024

Ngày: 08/11/2024

Người thực hiện chứng thực ký tên

PHIÊN BẢN PHỤ



Điều Thị Kim Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: TRUONG VAN MINH

Ngày sinh: 10 - 10 - 1983

Thường trú: Quảng Trị

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm hiện trường đo điện trở đất hệ thống chống sét,
thiết bị điện

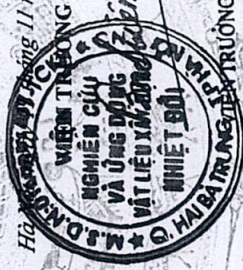
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại học Xây dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2022

Kết quả học tập: Đạt loại khá

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022



PGST.KIM. Đặng Diễm Bích



TCVN

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
VIỆN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
VIETNAM STANDARDS AND QUALITY INSTITUTE

CHỨNG CHỈ

Certificate of Achievement

Số/No: 324.2.58/VSQI



Chứng nhận
This is to certify that

Ông/Mr. Phạm Văn Tịnh

Công ty Cổ phần Tư vấn 1105

đã tham dự khóa đào tạo
has attended the training course on

**NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
THEO TIÊU CHUẨN ISO/IEC 17025:2017**

Laboratory Quality Management Training on ISO/IEC 17025:2017

Ngày 09/03/2021

March 9th, 2021

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

KT. VIỆN TRƯỞNG

Deputy Director of Institute



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

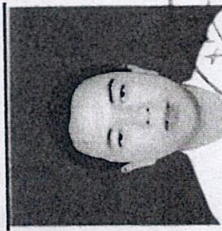
Phùng Mạnh Trường

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐÔNG HÀ
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: Quyền số: SCT/BS
Ngày 08-09-2022



Nguyễn Văn Minh

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp dụng

Số hiệu chứng chỉ: 201507033/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHI TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : PHẠM VĂN TỊNH

Ngày sinh : 03 - 11 - 1981

Quê quán : Gio Linh - Quảng Trị

Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa và Vật liệu xây dựng

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng

Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 03/11/2016 đến 11/11/2016

Kết quả học tập: Khá

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒNG HÀ

CHUNG THỰC BANG ĐỒNG PUNG VỚI BẢN CHỈNH

Số chứng chỉ: 201507033/VKHCN

Ngày

CÔNG CHỨNG VIỆN

Số: H.Đ: 54 - D.N.T.N

VĂN PHÒNG

CÔNG CHỨNG

ĐỒNG HÀ

T.P. ĐỒNG HÀ - T. QUẢNG TRỊ



Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng
Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016
KHOA VIỆN TRƯỞNG
CÔNG NGHỆ VỀ T
ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG N
MỌI

VIỆN TRƯỞNG

T.S. Phụng Vũ Việt Anh

Nguyễn Văn Minh

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Pham Van Tinh

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In April 2010

Ref. N°: 6523 /2010/VKH -TNXXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng tôi: Ông **Phạm Văn Tinh**

Ngày sinh: **03/11/1987**

Quê quán: **Quảng Trị**

Cơ quan: Công ty CP Việt Cường Minh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 09/3/2010 đến 31/3/2010

Tại: Phân Viện: KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2010

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỒNG HÀ
CHUNG THỰC BÀN SAO ĐƯƠNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 08/09/2010/CT/BS
Ngày

VIỆN TRƯỞNG

CÔNG CHỨNG VIỆN XÂY DỰNG
T. P. ĐỒNG HÀ - T. QUẢNG TRỊ

VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
ĐỒNG HÀ

PGS. TS. Cao Duy Tiến



Nguyễn Văn Minh

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Tran Van Hoang

Has successfully passed the Training Course on
**Field Test for Evaluation the Integrity
and Bearing Capacity of Pile**

In January 2008

Ref. N^o: 2888. /2008/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhân: Ông **Trần Văn Hoàng**

Ngày sinh: **26/12/1980** - Quê quán: **Quảng Trị**

Cơ quan: Công ty CP Quản lý và XD Giao thông Nam Hải

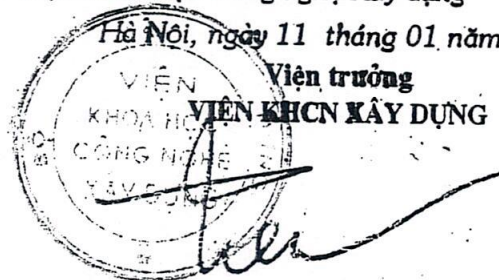
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ
toàn vẹn và sức chịu tải của cọc**

Thời gian tổ chức: Tháng **01** năm **2008**

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày **11** tháng **01** năm **2008**



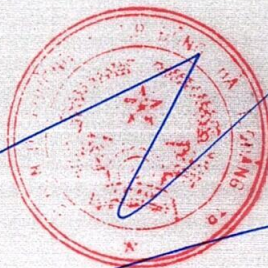
Viện trưởng
PGS., TS. Cao Duy Tiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực:.....**6.3076**.....Số:.....**02/BS**

Ngày.....**02-12-2022**.....

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1



Nguyễn Khoa Hải

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Tran Van Hoang**

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In September 2007

Ref. N^o. 2386/2007/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Trần Văn Hoàng**

Ngày sinh: **26/12/1980** - Quê quán: **Quảng Trị**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn Bắc Bình

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian tổ chức: Tháng 9 năm 2007

Tại: Viện KHCN Xây dựng

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2007

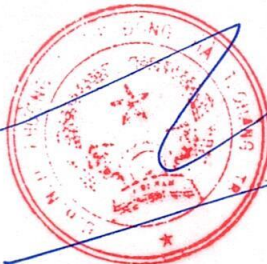
Viện trưởng
VIỆN KHCN XÂY DỰNG
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
(Signature)
PGS., TS. Cao Duy Tiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 6378/02 Quyền số: SCT/BS

Ngày: 02-12-2022

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1



(Signature)
Nguyễn Khoa Hải

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Tran Van Hoang**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico - Mechanical Properties of
Metallic Materials and Welding Joints**

In September 2007

Ref. N^o. 2506/2007/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Trần Văn Hoàng**

Ngày sinh: **26/12/1980** - Quê quán: **Quảng Trị**

Cơ quan: Công ty CP QL & XD GT Nam Hiếu

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

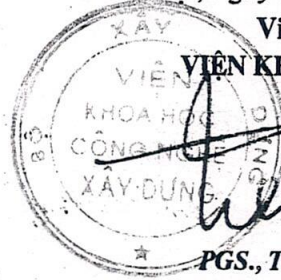
**Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của
vật liệu Kim loại và Liên kết hàn**

Thời gian tổ chức: Tháng 9 năm 2007

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2007

Viện trưởng
VIỆN KHCN XÂY DỰNG



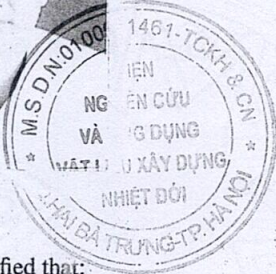
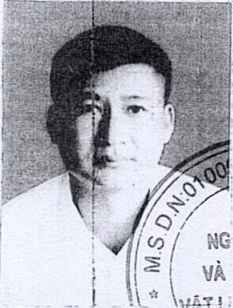
PGS., TS. Cao Duy Tiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực:..... 637702 Quyền số:..... SCT/SS
Ngày..... 02-12-2022
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1



Nguyễn Khoa Hải

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITURE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDINH MATERIALS (ITBM)



It is here by cerified that:

Mr/Mrs: **HOANG MINH HIEN**

Has successfully passed Training Course on

**Testing the mechanical and physical properties of concrete
-concrete materials in the laboratory and in the field**

In March 2022

Ref.Nº: 8121-A3221B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **HOÀNG MINH HIỀN**

Ngày sinh: 01-10-1986

Thường trú: Quảng Trị

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

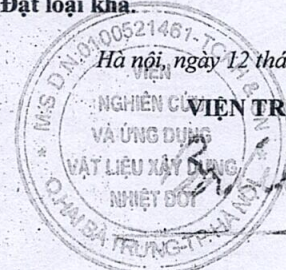
**Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông – vật liệu bê tông trong
phòng thí nghiệm, hiện trường**

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 3 năm 2022

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2022

VIỆN TRƯỞNG

Handwritten signature
VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. *Bach Linh Thien*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2940/02

Ngày đồng ý: 28-09-2023

CHỦ TỊCH HẸM PHƯƠNG 1



Handwritten signature
Nguyễn Khoa Hải

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITURE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: HOANG MINH HIEN
Has successfully passed Training Course on
Testing mechanical properties of construction steel

In April 2022

Ref.Nº.9111-44112B/VND-TNY

CHUNG THỰC BÀN SÀO ĐUNG VỚI BẢN CHỨNG
Số chứng thực: 2.0.9.7.....

Ngày: 06-2-2023

Người thực hiện chứng thực ký tên

ĐIỀU THỊ KIM NGỌC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: HOÀNG MINH HIỆN

Ngày sinh: 01-10-1986

Thường trú: Quảng Trị

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng

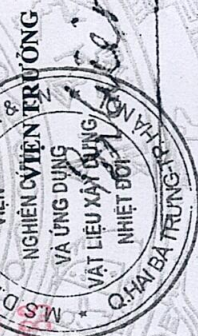
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2022

Kết quả học tập: Đạt loại khá



M.S.D.N: 00521461.TC
Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022



VIỆN TRƯỞNG
PGS.TSKH. Bạch Linh Thiên

ĐIỀU THỊ KIM NGỌC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ
THÍ NGHIỆM VIÊN**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
Cấp



(Chữ ký của người đăng ký)



Số: 35 / VKHCN-TNV

CHỨNG CHỈ

Cho ông / bà: Nguyễn Văn Kiên
Sinh ngày: 01/10/1986 Quê quán: Đông Anh - Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Đại học ngành CNTT
Đã hoàn thành chương trình đào tạo ngắn hạn Thí nghiệm viên
Chuyên ngành xây dựng công trình giao thông.
Khóa: 01 Từ ngày 18 tháng 5 năm 2011 đến
ngày 28 tháng 5 năm 2011
Kết quả xếp loại:



Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2011

KAI VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Đức Chính

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 3.7.2 Quyển số: 0.1 SGT/BS

Ngày 11-03-2022

Người thực hiện chứng thực ký tên

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 5



Điêu Thị Kim Ngọc

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: KHONG VAN TRONG
Has successfully passed Training Course on
The Testing the mechanical properties of asphalt concrete and
construction materials
In May 2022

Ref.N^o: 2022-A1364B/VNDD-QL

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHỨNG
Số chứng thực: 2022-06-12-2023
Ngày: 06-12-2023

Người thực hiện chứng thực ký tên
PGS. TS. KH. **WANH DUYHANG S.**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

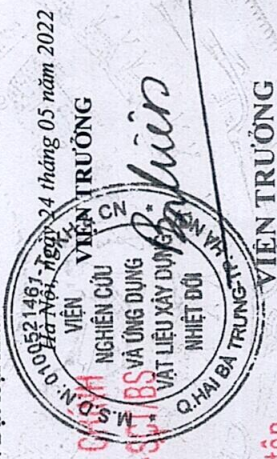
CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông: **KHÔNG VĂN TRỌNG**
Ngày sinh: 05 - 12 - 1980
Thường trú: Quảng Trị

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông nhựa và Vật liệu xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây dựng tổ chức
Thời gian đào tạo: Tháng 05 năm 2022
Kết quả học tập: Đạt loại khá



Wanh Duyhang S.

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. KH. **Bach Dinh Thien**

Điêu Thị Kim Ngọc

**HANOI UNIVERSITY
OF MINING AND GEOLOGY**



It is hereby certified that:

Mr/Mrs. Le Dinh Nien

Has successfully passed the Training Course on

Methods of the in-situ Geotechnical Tests

Ref. N° NT

/BCCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Chúng nhận: **Lê Đình Nien**

Ngày sinh: **12/12/1983**

Quê quán: **Thừa Thiên Huế**

Địa chỉ: **Công ty TNHH Địa kỹ thuật và môi trường**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo:

Các phương pháp thí nghiệm

Địa kỹ thuật hiện trường

Thời gian tổ chức: **Từ 15/06 đến 28/06 năm 2011**

Tại: **Trường Đại học Mỏ - Địa chất**

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS,

Le Dinh Nien

DANH MỤC THÍ NGHIỆM

1. Thí nghiệm xác định độ chặt của đất " Thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát".
2. Thí nghiệm xác định chỉ số CBR.
3. Thí nghiệm nén tĩnh nền.
4. Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan.
5. Thí nghiệm cắt cánh.
6. Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT).
7. Thí nghiệm xuyên động.
8. Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT).
9. Thí nghiệm nén tĩnh cọc.
10. Thí nghiệm động biến dạng nhỏ (PIT).
11. Thí nghiệm siêu âm Kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

(HUMG)



GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đào tạo thí nghiệm xây dựng)

CERTIFICATE

OF CONSTRUCTIONAL TEST TRAINING COURSE

C ÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: thôn Kim Đâu - xã Thanh An – huyện Cam Lộ - tỉnh Quảng Trị
VPDD: Đường Trần Bình Trọng, Phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Email: ctyducnguyenqt@gmail.com
ĐT: 0973.882889 or 0973.166777

THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM LAS-XD 786



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Số): HC001815 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén**

Kiểu (Type): TYA- 2000 Số (Serial No): 240508 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: $(0 \div 2000)$ kN
Độ phân giải: 0,1kN

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 02-2024

Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Trang (Page): 2/2



	Giá trị chỉ thị thiết bị (kN)	Giá trị chỉ thị chuẩn (kN)	Số hiệu chính (kN)
	0	0,00	0,00
2	300	300,10	0,10
3	500	502,00	2,00
4	800	802,50	2,50
5	1000	997,30	2,70
6	1200	1197,50	2,50
7	1500	1496,50	3,50
8	1800	1796,00	4,00

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 02/01/2026 Số (No): HC002936 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị thử độ cứng bê tông bằng phương pháp bật nảy

Kiểu (Type): ZC3-A Số (Serial No): 2207166 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (10 ÷ 100)R

Giá trị độ chia: 2R

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 08-2024

Thiết bị thử độ cứng bê tông bằng phương pháp bật nảy – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Đe chuẩn C390 Trị số: 80	TB02.2	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 02/01/2026

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 02/01/2027

Kết quả (Results):

TT	N1	N2	N3	N4	N5	Rtb	Sai số tuyệt đối
Giá trị bật nảy	80	80	79	81	81	80,2	± 0.2

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 02/01/2026 Số (№): HC002932 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Bể ổn nhiệt**

Kiểu (Type): CF-B Số (Serial №): 231249 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 100) °C

Độ phân giải (Resolution): 0.1 °C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Châu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ- độ ẩm HG600- Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB01.6	HG600	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 02/01/2026

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 02/01/2027

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/ °C	40.0	60.0	80.0	
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/ °C	39	59	80	
Độ sai lệch (Corrected Value)/ °C	+ 1.0	+ 1.0	0.0	

Độ không đảm bảo đo (Measurement uncertainty): 1 °C (k = 2; P = 95%)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 02/01/2026 Số (No): HC002937 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén**

Kiểu (Type): WE-1000B Số (Serial No): 210752 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: $(0 \div 1000)$ kN
Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đầu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 02-2024

Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 02/01/2026

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 02/01/2027

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



Đỗ Đăng Chung
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Trang (Page): 2/2



	Giá trị chỉ thị thiết bị (kN)	Giá trị chỉ thị chuẩn (kN)	Số hiệu chính (kN)
	0	0,00	0,00
2	100	100,20	0,20
3	200	201,40	1,40
4	400	401,80	1,80
5	600	602,10	2,10
6	800	802,50	2,50
7	900	903,50	3,50

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG
VIỆT NAM

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 02/01/2026 Số (№): HC002938 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân Kỹ Thuật Điện Tử**

Kiểu (Type): OKS- DJ5202A Số (Serial №): 2022331246 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất M max = 5200g
Giá trị độ chia nhỏ nhất: d = 0.01g

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 03-2024

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn E2	TB01.8	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 02/01/2026

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 02/01/2027

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)

Đỗ Đăng Chung
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



	Mức cân (kg)	Số chỉ của cân (kg)	Sai số (g)
1	0	0,00	0,00
2	1	1,000	0,00
3	2	2,000	0,00
4	3	3,000	0,00
5	4	4,000	0,00
6	5	5,000	0,00

* Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

* Với độ không đảm bảo đo (*With the uncertainty of*): $U = 2\text{g}$

* Hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 02/01/2026 Số (Số): HC002933 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân Kỹ Thuật Điện Tử**

Kiểu (Type): Điện tử Số (Serial No): 5882103138 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất M max = 15 kg
Giá trị độ chia nhỏ nhất: d = 0.5g

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYÊN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31- 10

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn E2	TB01.2	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 02/01/2026

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 02/01/2027

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Trang (Page): 2/2

	Mức cân (kg)	Số chỉ của cân (kg)	Sai số (g)
1	0	0	0
2	5	5,000 0	0
3	10	10,000 0	0
4	15	15,000 0	0

* Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

* Với độ không đảm bảo đo (*With the uncertainty of*): $U = 2\text{g}$

* Hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 02/01/2026 Số (№): HC002939 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng Hồ Đo Áp Suất**

Kiểu (Type): Áp kế lò xo Số (Serial №): 01830117 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo danh nghĩa: (0 ÷ 60)Mpa

Vạch chia: 1Mpa

Cấp chính xác: 1.6

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYÊN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	1/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 02/01/2026

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 02/01/2027

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Trang (Page): 1/2



	Lực Chuẩn (Mpa)	Giá Trị Chỉ Thị TB (Mpa)	Sai Số (Mpa)
	0.00	0.00	0.00
2	10.00	10.01	0.01
3	20.00	20.02	0.02
4	30.00	30.04	0.04
5	40.00	40.10	0.10
6	50.00	50.30	0.30
7	56.00	56.20	0.20

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG
VIỆT NAM

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 02/01/2026 Số (№): HC002934 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân Kỹ Thuật Điện Tử**

Kiểu (Type): Điện tử Số (Serial №): 58821031399 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất M max = 15 kg
Giá trị độ chia nhỏ nhất: d = 0.5g

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYÊN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.31- 10

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn E2	TB01.2	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 02/01/2026

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 02/01/2027

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Đỗ Đăng Chung
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Trang: 2/2

	Mức cân (kg)	Số chỉ của cân (kg)	Sai số (g)
1	0	0	0
2	5	5,000 0	0
3	10	10,000 0	0
4	15	15,000 0	0

* Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

* Với độ không đảm bảo đo (*With the uncertainty of*): $U = 2\text{g}$

* Hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Số): HC001822 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Vòng Đo Lực Máy CBR/ Marsall**

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): K547 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 60)KN
Độ phân giải: 0,01mm

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2024

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Loadcell DS60 - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	1/2027

Bộ căn mẫu chuẩn TB02.12

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)


TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Chinh

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Trang (Page): 2/2



	Giá trị chỉ thị TB (Vạch x 0,01mm)	Lực đo (kN)
Phạm vi đo (0 ÷ 60) kN		
1	100	0
2	123	5
3	145	10
4	165	15
5	188	20
6	205	25
7	232	30
8	275	40
9	322	50

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation): $F = -0,00005x^2 + 0,2495x - 24,649$

Trong đó F là lực (kN), X là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (x 0,01mm)

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k=2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Số): HC001816 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị đo kim lún nhựa đường**

Kiểu (Type): IV- 2000 Số (Serial No): 2022505 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Theo TCVN 7495, AASHTO T49, ASTM D5

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): M.14.2011

Thiết bị đo kim lún- Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu

M.TB1.0

Bộ quả cân E2 được kết nối với VMI

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ căn mẫu	M.TB1.0	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Chính



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Trang (Page): 2/2

- Khối lượng quả tải trọng 1	(50 ± 0,01) g
- Khối lượng quả tải trọng 2	(100 ± 0,01) g
- Khối lượng trục kim và kim	(50 ± 0,01) g

- Kích thước kim

+ Chiều dài (50 ÷ 55) mm

+ Đường kính thân kim (1,00 ÷ 1,02) mm

- Sai số đo chiều sâu ≤ 1%

- Phạm vi đo nhiệt độ: (20 ÷ 180)°C/0,1°C

* Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): (28 ± 2)°C

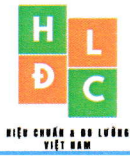
Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): U= 2g

(Hệ số phủ k=2, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Số): HC001821 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy Thử Độ Mài Mòn Los Angeles**

Kiểu (Type): ZY- 5 Số (Serial No): 2022495 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Theo TCVN 7572 : 2006

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03- 2026

Thiết bị đo tốc độ vòng quay: PCE- DT65

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB01.4	PCE- DT65	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Kết quả (Results):

Trang (Page): 2/2



STT	Thông số	Giá trị đo được
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	30 ÷ 33
2	Đường kính bi (mm)	48 ÷ 49
3	Trọng lượng bi (g)	434 ÷ 441
4	Đường kính trong thùng chứa mẫu (mm)	711 ± 5
5	Chiều dài thùng chứa mẫu (mm)	508 ± 5

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,1 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG
VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Mã): HC001817 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy Ly Tâm Tách Nhựa**

Kiểu (Type): DLC- 3 Số (Serial No): 2231 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tốc độ quay: (0 ÷ 3000) rpm

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiều Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2026

Thiết bị đo tốc độ vòng quay: PCE- DT65

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB01.4	PCE- DT65	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Kết quả (Results):

Trang (Page): 1/2

Tốc độ chuẩn (Standard Value)/rpm	1500	2000	2500	2800
Tốc độ chỉ thị (Indicated alue)/rpm	1497	1995	2496	2795
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/rpm	- 3	- 5	-4	-5

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG
VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Số): HC001820 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Bộ Điều Khiển Nhiệt Độ Lò Nung

Kiểu (Type): SX2-4-10 Số (Serial No): 2020328 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): $(0 \div 1000)^{\circ}\text{C}$

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 138 – 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Lò nhiệt chuẩn MY- S1200

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB01.12	MY-S1200	VMI	5/2026

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/ $^{\circ}\text{C}$	300.0	500.0	700.0	900.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated value)/ $^{\circ}\text{C}$	302	502	703	904
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/ $^{\circ}\text{C}$	+ 2.0	+ 2.0	+ 3.0	+ 4.0

Độ không đảm bảo đo (Measurement uncertainty): 1°C ($k = 2$; $P = 95\%$)

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Số): HC001819 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết Bị Giãn Dài Nhựa**

Kiểu (Type): SY-1,5 Số (Serial No): 220417 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Theo tiêu chuẩn ASTM D 113

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): PCE-DT65

Thiết bị đo giãn dài nhựa - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
TB01.4	PCE- DT65	VMI	5/2026

Kết quả (Results):

Tốc độ kéo	Chiều dày khuôn	Khoảng cách giữa 2 đỉnh khuôn	Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn	Sai lệch phép đo chiều dài
Mm/ph	mm	mm	mm	%
50±1	10±0,01	70±0,5	10±0,1	≤ 1

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 04/10/2025 Số (Số): HC001818 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Máy Đo Điện Trở Tiếp Đất**

Kiểu (Type): 4105A Số (Serial No): E8391501 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): KYORITSU- Thái Lan

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: 20Ω - 2000Ω

Độ chính xác ± 2%

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 143-2024

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
DE 1995	Multifunction	VMI- VN	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 04/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 04/10/2026

Kết quả (Results): Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 28/03/2025 Số (No): HC000100 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Áp kế máy thử thấm bê tông

Kiểu (Type): HS- 4.0 Số (Serial No): 2301159 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): YUANTAI

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 4)MPa
Độ phân giải: 0,005Mpa

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Thanh An, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị.

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 03-2024

Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Áp kế PDR1000	TB03.1	VMI	5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

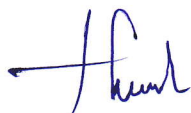
+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 28/03/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 28/03/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)


TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Nguyễn Chí Thuận

Giám đốc
(Director)


GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 28/03/2025 Số (№): HC000100

Trang (Page): 2/2

	Giá trị chỉ thị thiết bị (MPa)	Giá trị chỉ thị chuẩn (MPa)	Số hiệu chính (Mpa)
1	0	0,00	0,00
2	0,4	0,40	0,00
3	0,8	0,81	0,01
4	1,2	1,21	0,01
5	1,6	1,61	0,01
6	2,0	2,01	0,01

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,1 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

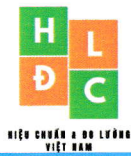
Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

HIỆU CHUẨN & ĐO LƯỜNG
VIỆT NAM

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 12/05/2025 Số (Số): HC000318 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): 23116270423 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo danh nghĩa: (0 ÷ 60)Mpa

Vạch chia 1Mpa

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Thanh An, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 12/05/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 12/05/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

Giám đốc
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 12/05/2025 Số (№): HC000318

Trang (Page): 2/2



	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (Mpa)	Lực đo được (Kn)
1	0	0,00
2	5	17,60
3	10	32,50
4	15	45,35
5	20	59,20
6	25	72,85
7	30	87,45
8	35	101,50
9	40	116,80
10	45	132,55
11	50	148,20
12	55	161,46

Phương trình hiệu chuẩn: $F(x) = 0,0021x^2 + 2,793x + 2,2909$

Trong đó: $F(x)$: Lực đo được

x : Chỉ số hiển thị trên đồng hồ áp (MPa)

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 22/09/2025 Số (No): HC001664 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị xác định điểm hóa mềm nhựa**

Kiểu (Type): SYD-2806E Số (Serial No): 2404324 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi điều nhiệt: (20-125)°C

Độ phân giải: 1°C

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC NGUYỄN QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ (Address): Thôn Kim Đâu, Xã Hiếu Giang, Tỉnh Quảng Trị

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 24-2024

Thiết bị xác định điểm hóa mềm nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Nhiệt kế điện tử TA612C	TB01.5	VMI	5/2026
Panme	TB01.11		
Cân kỹ thuật SJ 620CE	TB01.2		

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 22/09/2025

Ngày hiệu chuẩn tối (Recalibration recommended): 22/09/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung



- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Trang (Page): 2/2



Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả		
		Giá trị đo được	U	
Bi thép				
1	Khối lượng bi thép	(3,50 ± 0,05) g	3,511 g	0,011 g
2	Đường kính bi thép	9,5 mm	9,51 mm	0,01 mm
Nhiệt độ				
1	Mức 1	80 °C	80,5 °C	0,5 °C
2	Mức 2	100 °C	100,9 °C	0,9 °C
3	Mức 3	120 °C	121,1 °C	1,1 °C

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

Một số hình ảnh thiết bị thí nghiệm LAS-XD786



Máy kéo thép + nén bê tông



Máy nén CBR/MARSHALL 50KN



Máy chiết nhựa



Thiết bị kim lún nhựa tự động



Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường



Tủ sấy



Dụng cụ đo độ sệt



Cối, chày Proctor



Sàng các loại (Đá, cát, cấp phối, BTN...)



Cân điện tử và dụng cụ đo độ chặt



Dụng cụ đo thể tích xốp



Thùng rửa (kiểm tra bụi, bùn, hữu cơ...)



Dao vòng (Kiểm tra dung trọng)



Khuôn đúc mẫu bê tông



Máy khoan bê tông



Lò Nung



Khuôn 4x4x16cm (thí nghiệm xi măng+vữa)



Khuôn 5x5x5 cm (Đúc vữa)



Khuôn CBR



Thước kẹp



Máy đo điện trở



Súng bắn bê tông



Máy đầm Bê tông nhựa



Máy nén bê tông xi măng 2000KN



Thiết bị nén tĩnh cọc



Thiết bị đo E tỷ lệ 1:2



Máy thử thấm Bê tông xi măng



Bộ thí nghiệm chảy dẻo



Bể ổn nhiệt BTN



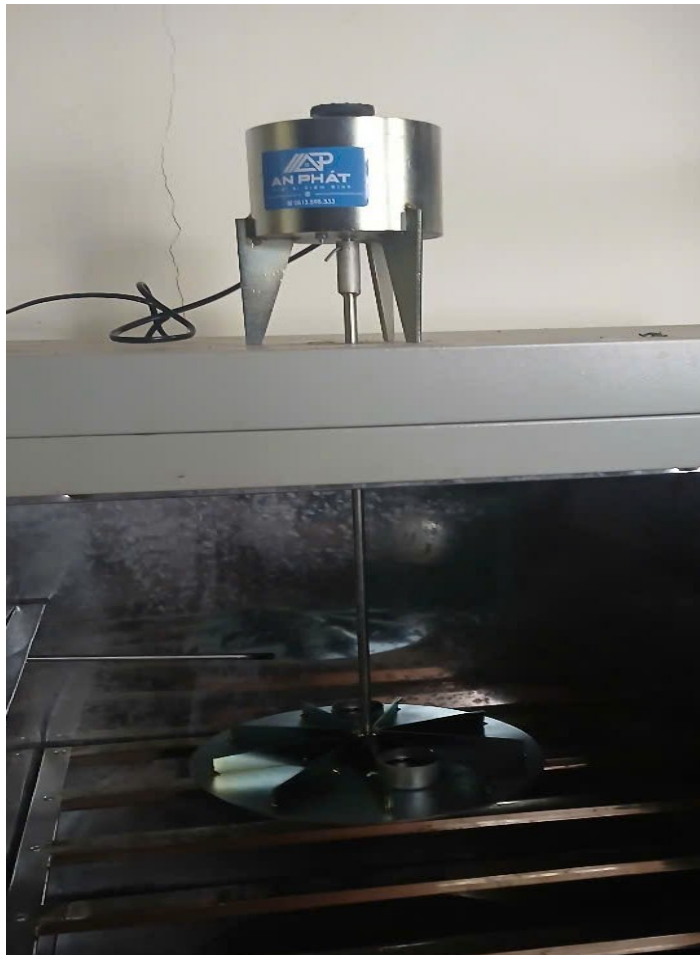
Máy tỷ trọng BTN



Thiết bị hoá mềm nhựa



Lượng hoà tan trong tricloetilen của Bi tum



Tổn thất nhựa sau khi nung



Điểm chớp cháy của Bi tum – nhựa đường